

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

SAO Y BẢN CHÍNH

SỐ: 385 /SY

Ngày 19 Tháng 8 Năm 2020

TP. TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH



Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2017 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Phạm Châu Hà	Chủ tịch
- Ông Trần Quốc Long	Giám đốc
- Ông Trần Văn Thanh Tú	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Huân	Phó Giám đốc
- Ông Lê Văn Trinh	Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Huân và Ông Lê Văn Trinh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty theo Quyết định số 952/QĐ-CTY và 953/QĐ-CTY ngày 10/05/2017 của Chủ tịch Công ty.

Ông Phạm Văn Thông miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty theo Quyết định số 14/QĐ-CTY của Chủ tịch Công ty.

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm 2017 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Bà Trần Thị Thu Dung	Kiểm soát viên chuyên trách
- Bà Trần Thị Hương	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Bà Trần Thị Thu Dung được bổ nhiệm giữ chức vụ kiểm soát viên chuyên trách thay cho Ông Phan Hữu Hiền theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 21/08/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Hương được bổ nhiệm giữ chức vụ kiểm soát viên kiêm nhiệm thay cho Ông Vương Đại Dương theo Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

3. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang – Xi nghiệp Cơ khí Giao thông.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng từ trang 6 đến trang 25.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.909.875.479 VND
- Lợi nhuận khác	444.463.862 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.354.339.341 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	475.553.028 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.878.786.313 VND

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chủ tịch Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2017 cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính riêng.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Long Xuyên, ngày 23 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH CÔNG TY

PHẠM CHÂU HÀ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 03/2018/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Phà An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Phà An Giang ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 01 năm 2018, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đặng Thị Thiên Nga

P. Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2018-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 23 tháng 01 năm 2018

Lê Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3578-2016-107-1



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Mẫu số : B 01 - DN


			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.314.388.860	164.606.219.305
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>61.813.064.565</i>	<i>117.817.613.780</i>
1. Tiền	111		3.813.064.565	7.817.613.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.000.000.000	110.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>20.304.324.995</i>	<i>36.380.187.689</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		220.608.930	80.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		841.613.800	16.988.676.800
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		19.242.102.265	19.286.385.889
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	25.125.000
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>10.942.351.400</i>	<i>10.153.388.612</i>
1. Hàng tồn kho	141	<i>V.3</i>	10.942.351.400	10.153.388.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>1.254.647.900</i>	<i>255.029.224</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<i>V.4</i>	237.493.056	121.017.088
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	<i>V.10</i>	1.017.154.844	134.012.136
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289.957.090.688	216.131.608.015
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>120.083.543.762</i>	<i>137.433.284.896</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	118.913.304.307	136.169.655.041
- Nguyên giá	222		328.209.560.468	318.774.161.690
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.296.256.161)	(182.604.506.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	1.170.239.455	1.263.629.855
- Nguyên giá	228		1.170.239.455	1.263.629.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>155.682.194.881</i>	<i>66.061.140.761</i>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<i>V.7</i>	155.682.194.881	66.061.140.761
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.8</i>	<i>14.191.352.045</i>	<i>12.637.182.358</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.808.647.955)	(12.362.817.642)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		384.271.479.548	380.737.827.320


CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

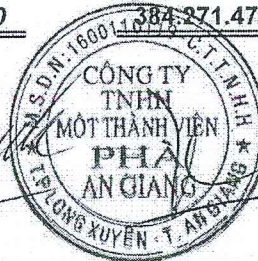
Mẫu số : B 01 - DN

		Đơn vị tính: VND		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.047.574.433	20.598.421.950
I. Nợ ngắn hạn	310		18.771.813.150	13.602.021.842
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	5.836.203.443	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	41.567.760	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.308.251.717	1.883.361.741
4. Phải trả người lao động	314	"	753.194.000	712.057.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	200.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		129.639.365	119.257.576
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	6.576.761.392	1.721.355.976
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.926.195.473	9.165.989.424
II. Nợ dài hạn	330		5.275.761.283	6.996.400.108
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	5.132.280.600	6.938.640.600
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		143.480.683	57.759.508
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.223.905.115	360.139.405.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	360.223.905.115	360.139.405.370
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.223.905.115	360.139.405.370
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		384.271.479.548	380.737.827.320


 Nguyễn Kim Thơ
 Người lập


 Phan Hữu Hiền
 Kế toán trưởng


 Phạm Châu Hà
 Chủ tịch Công ty
 Long Xuyên, ngày 12 tháng 01 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNGCho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

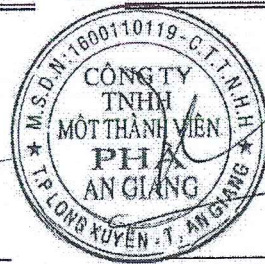
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay 2017	Năm trước 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		182.055.049.453	175.385.894.570
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	182.055.049.453 X	175.385.894.570 X
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	170.984.573.892	152.346.279.351
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	11.070.475.561	23.039.615.219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.536.510.265 X	6.497.195.237 X
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(1.197.432.247)	2.466.398.153
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		356.737.440	481.607.400
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	14.894.542.594	14.892.319.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.909.875.479	12.178.092.318
11. Thu nhập khác	31	VI.5	475.215.826 X	729.775.578 X
12. Chi phí khác	32	VI.6	30.751.964	140.241.192
13. Lợi nhuận khác	40		444.463.862	589.534.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	2.354.339.341	12.767.626.704
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	475.553.028	2.576.353.741
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	1.878.786.313	10.191.272.963

Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng

Phạm Châu Hà
Chủ tịch Công ty
Long Xuyên, ngày 12 tháng 01 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(Theo phương pháp trực tiếp)

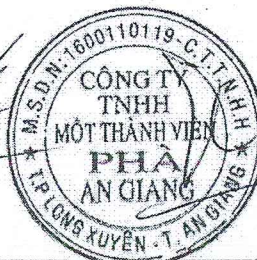
Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	97.135.199.988	98.908.314.054
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(159.890.478.161)	(50.619.546.737)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(55.202.086.430)	(53.359.123.589)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(356.737.440)	(481.607.400)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(325.210.077)	(1.818.129.154)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	373.940.791.632	110.000.160.690
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(303.822.504.073)	(115.593.147.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48.521.024.561)	(12.963.079.279)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.572.493.474)	(758.636.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	572.903.277	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.322.425.543	6.067.140.770
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.677.164.654)	5.308.504.406
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	820.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.806.360.000)	(3.706.360.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.806.360.000)	(2.886.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(56.004.549.215)	(10.540.934.873)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	117.817.613.780	128.358.548.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	61.813.064.565	117.817.613.780

Nguyễn Kim Thơ
Người lập

Phan Hữu Hiền
Kế toán trưởng

Phạm Châu Hà
Chủ tịch Công ty
Long Xuyên, ngày 12 tháng 01 năm 2018



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Phà An Giang theo Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/08/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 437.000.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2017 là 360.223.905.115.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy;
- Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy;
- Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ;
- Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động);
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi;
- Thu phí cầu đường;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm các hoạt động sau:

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Năng Gù;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Châu Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Thuận Giang;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Tân Châu;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà An Hòa;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Phà Mương Ranh.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang.
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Xí nghiệp Cơ khí Giao thông.

7. Thông tin về công ty con:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang:

- Địa chỉ: số 360, đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Hoạt động kinh doanh chính: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ,...
- Tỷ lệ lợi ích: 71,29%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 71,29%.

8. Thông tin so sánh: Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2017, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được



CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 09 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

5. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm 2017, Công ty trích quỹ lương viên chức quản lý và quỹ lương cán bộ, công nhân viên vào chi phí theo quy định tại Thông tư số 26 và 27/2016/TT/BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2017, không có khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2017, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức về việc đánh giá doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh riêng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính riêng năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.928.119.383	3.219.681.079
Tiền gửi ngân hàng	884.945.182 (a)	4.597.932.701
Các khoản tương đương tiền	58.000.000.000 (b)	110.000.000.000
Cộng	<u>61.813.064.565</u>	<u>117.817.613.780</u>

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	859.793.192	4.477.666.157
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	13.372.561	77.525.542
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	11.779.429	42.741.002
Cộng	884.945.182	4.597.932.701

(b) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	40.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 01 tháng	18.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang – kỳ hạn 03 tháng	-	50.000.000.000
Cộng	58.000.000.000	110.000.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	220.608.930 (c)	80.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	841.613.800 (d)	16.988.676.800
Phải thu ngắn hạn khác	19.242.102.265	19.286.385.889
- Phải thu ngắn hạn khác	18.966.831.722 (e)	19.160.385.889
- Tạm ứng	275.270.543 (f)	126.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	25.125.000
Cộng	20.304.324.995	36.380.187.689

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Vận tải An Giang	86.600.000	80.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường An Giang	60.402.640	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đạt Minh	44.383.890	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuận Giang	29.222.400	-
Cộng	220.608.930	80.000.000

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	468.095.000	7.261.815.000
- Công ty TNHH Kiểm toán Định giá và Tư vấn Tài chính Việt Nam	155.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	218.518.800	9.726.861.800
Cộng	841.613.800	16.988.676.800

(e) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại ngày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cho Sở Tài chính tỉnh An Giang mượn	18.752.747.000	18.752.747.000
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	214.084.722	407.638.889
Cộng	18.966.831.722	19.160.385.889

(f) Đây là số tiền tạm ứng công tác của cán bộ, công nhân viên Công ty.

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	10.377.965.166 (g)	9.107.873.181
Công cụ, dụng cụ trong kho	308.917.622 (h)	409.396.382
Hàng hóa	255.468.612 (i)	636.119.049
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.942.351.400	10.153.388.612

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên vật liệu chính	9.164.199.574	7.610.971.149
- Nhiên liệu	1.213.765.592	1.496.902.032
Cộng	10.377.965.166	9.107.873.181

(h) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ trong kho như sau:

Công cụ, dụng cụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vé phà, vé cầu đường	195.077.438	320.123.182
- Công cụ, dụng cụ	41.818.184	450.000
- Thẻ nhựa	72.022.000	88.823.200
Cộng	308.917.622	409.396.382

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(i) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

Hàng hóa	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xăng các loại	72.586.634	343.643.306
- Dầu các loại	110.483.990	255.661.684
- Nhớt các loại	72.397.988	36.814.059
Cộng	255.468.612	636.119.049

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất bến phụ Châu Giang	120.000.000	120.000.000
- Phí sử dụng đường bộ	4.440.557	1.017.088
- Phí sử dụng chữ ký số bảo hiểm xã hội	1.760.000	-
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	91.491.312	-
- Chi phí bảo hiểm tài sản	19.801.187	-
Cộng	237.493.056	121.017.088

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	318.774.161.690	12.983.546.570	3.548.147.792	328.209.560.468
- Nhà cửa, vật kiến trúc	66.550.817.305	2.105.493.352	374.879.405	68.281.431.252
- Máy móc, thiết bị	1.853.677.203	874.561.411	22.702.412	2.705.536.202
- PT vận tải, TB truyền dẫn	249.105.416.462	10.003.491.807	3.150.565.975	255.958.342.294
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.264.250.720	-	-	1.264.250.720
Hao mòn lũy kế	182.604.506.649	29.770.143.017	3.078.393.505	209.296.256.161
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.588.866.321	2.813.463.201	374.879.405	23.027.450.117
- Máy móc, thiết bị	1.123.889.189	257.894.915	22.702.412	1.359.081.692
- PT vận tải, TB truyền dẫn	159.765.371.392	26.611.427.804	2.680.811.688	183.695.987.508
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.126.379.747	87.357.097	-	1.213.736.844
Giá trị còn lại	136.169.655.041			118.913.304.307
- Nhà cửa, vật kiến trúc	45.961.950.984			45.253.981.135
- Máy móc, thiết bị	729.788.014			1.346.454.510
- PT vận tải, TB truyền dẫn	89.340.045.070			72.262.354.786
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	137.870.973			50.513.876

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Hoán cải, nâng cấp các phà	8.225.048.111
- Nhà kho PX 1 – Cơ khí	1.283.374.873
- Sà lan chở dầu AG - 12078	1.027.455.368
- Phao nổi cao su tổng hợp ĐK 1,2 m	329.104.800
- Xe cầu bánh lốp Unic K160C 67LA – 0039	314.900.000
- Xe ô tô bán tải Isuzu D-Max 67C – 006.69	220.582.331
- Các tài sản cố định khác	1.583.081.087
Cộng	12.983.546.570

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Bàn giao bến bãi phà Khánh Bình cho Ủy ban nhân dân huyện An Phú	360.115.158
- Thanh lý trực chân vịt phà Việt Đan 3 AG – 21138	822.070.000
- Thanh lý mở bàn phà A60 – phà Tân Châu AG – 21135	540.000.000
- Thanh lý hộp sàn bờ Phú Tân – phà Thuận Giang	260.000.000
- Thanh lý 02 máy phà Tân Châu	258.837.408
- Thanh lý các tài sản cố định khác	1.307.125.226
Cộng	3.548.147.792

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	29.770.143.017
Cộng	29.770.143.017

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Hao mòn lũy kế của tài sản cố định bàn giao	360.115.158
- Hao mòn lũy kế của tài sản cố định thanh lý	2.718.278.347
Cộng	3.078.393.505

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.257.507.146
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.707.801.988
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	1.263.629.855	-	93.390.400	1.170.239.455
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855	-	93.390.400	1.170.239.455
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.263.629.855			1.170.239.455
- Quyền sử dụng đất	1.263.629.855			1.170.239.455

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đường tỉnh lộ 944	136.443.217.503	53.469.633.129
- Bến phà Tân Châu	8.711.407.727	8.647.393.636
- Sửa chữa phương tiện phà	6.416.528.794	1.810.720.183

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Bến phà Mương Ranh	3.860.407.856	10.000.000
- Các công trình khác	250.633.001	2.123.393.813
Cộng	155.682.194.881	66.061.140.761

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con	25.000.000.000	10.808.647.955	25.000.000.000	12.362.817.642
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang (*)	25.000.000.000	10.808.647.955	25.000.000.000	12.362.817.642
Cộng	25.000.000.000	10.808.647.955	25.000.000.000	12.362.817.642

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang, Công ty đầu tư và nắm giữ 71,29% vốn chủ sở hữu. Số lỗ lũy kế của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang đến ngày 31/12/2016 là 11.735.792.832. Số dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2016 đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Giang là 10.808.647.955.

9. Phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	5.836.203.443 (j)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	41.567.760	-
Cộng	5.877.771.203	-

(j) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	5.409.056.922	-
- Các nhà cung cấp khác	427.146.521	-
Cộng	5.836.203.443	-

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	527.251.118	2.639.115.416	4.183.521.378	(1.017.154.844)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(134.012.136)	475.553.028	325.210.077	16.330.815
- Thuế thu nhập cá nhân	1.356.110.623	2.857.705.161	2.921.894.882	1.291.920.902
- Tiền thuê đất	-	1.134.146.426	1.134.146.426	-
- Các loại thuế khác	-	52.819.494	52.819.494	-
Cộng	1.749.349.605	7.159.339.525	8.617.592.257	291.096.873

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lên đà phà	200.000.000	-
Cộng	200.000.000	-

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	443.739.767	456.752.959
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	18.155.270	16.198.456
- Bảo hiểm hành khách	71.243.930	73.531.110
- Chi phí bảo hành công trình	5.516.512.000	690.907.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	527.110.425	483.966.451
Cộng	6.576.761.392	1.721.355.976

13. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khu vực Đồng Tháp – An Giang	4.419.000.600	5.892.000.600
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh An Giang	713.280.000	1.046.640.000
Cộng	5.132.280.600	6.938.640.600

14. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	385.409.644.883	8.293.742.284	33.563.981.797	360.139.405.370
- Quỹ đầu tư phát triển	8.293.742.284	-	8.293.742.284	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	10.191.272.963	10.191.272.963	-
Cộng	393.703.387.167	18.485.015.247	52.048.997.044	360.139.405.370

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	360.139.405.370	177.890.145	93.390.400	360.223.905.115
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	1.878.786.313	1.878.786.313	-
Cộng	360.139.405.370	2.056.676.458	1.972.176.713	360.223.905.115

Vốn góp của chủ sở hữu tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Nhận điều chuyển 02 phương tiện phà 25 tấn từ Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	177.890.145
Cộng	177.890.145

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của chủ sở hữu giảm là do:

	Số tiền
- Bàn giao đất thuộc dự án bến phà Khánh Bình cho Ủy ban nhân dân huyện An Phú	93.390.400
Cộng	93.390.400

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	62.019.088.344	43.241.349.156	18.777.739.188	30,28%
- Bến Trà Ôn	9.762.541.325	5.481.927.345	4.280.613.980	43,85%
- Bến Ô Môi	1.071.129.079	3.030.226.696	(1.959.097.617)	(182,90%)
- Bến Năng Gù	11.733.264.058	13.688.325.509	(1.955.061.451)	(16,66%)
- Bến Châu Giang	31.603.622.440	22.606.404.837	8.997.217.603	28,47%
- Bến Khánh Bình	299.351.743	1.229.701.769	(930.350.026)	(310,79%)
- Bến Tân An	6.930.626.754	4.253.449.035	2.677.177.719	38,63%
- Bến Tân Châu	17.894.534.100	20.788.952.776	(2.894.418.676)	(16,17%)
- Bến Thuận Giang	16.963.125.641	15.036.707.084	1.926.418.557	11,36%
- Bến Mương Ranh	4.807.945.837	10.320.912.455	(5.512.966.618)	(114,66%)
- Cửa hàng Xăng dầu	11.551.901.613	12.520.112.461	(968.210.848)	(8,38%)
- Liên kết đào tạo	748.763.636	148.210.228	600.553.408	80,21%
Cộng	175.385.894.570	152.346.279.351	23.039.615.219	13,14%

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
- Bến An Hòa	61.943.047.626	45.482.303.964	16.460.743.662	26,57%
- Bến Trà Ôn	9.498.098.578	7.193.946.139	2.304.152.439	24,26%
- Bến Ô Môi	959.432.549	3.683.044.392	(2.723.611.843)	(283,88%)
- Bến Năng Gù	12.167.835.538	15.064.510.536	(2.896.674.998)	(23,81%)
- Bến Châu Giang	33.517.572.961	23.307.627.472	10.209.945.489	30,46%
- Bến Khánh Bình	45.327.128	772.494.066	(727.166.938)	(1.604,26%)
- Bến phụ Châu Giang	84.858.956	730.312.659	(645.453.703)	(760,62%)
- Bến Tân An	6.857.969.643	5.221.050.976	1.636.918.667	23,87%
- Bến Tân Châu	16.600.948.306	24.790.410.042	(8.189.461.736)	(49,33%)
- Bến Thuận Giang	16.984.326.539	16.310.136.939	674.189.600	3,97%
- Bến Mương Ranh	5.780.114.748	10.867.222.710	(5.087.107.962)	(88,01%)
- Cửa hàng Xăng dầu	17.144.235.063	17.401.895.610	(257.660.547)	(1,50%)
- Liên kết đào tạo	471.281.818	123.676.153	347.605.665	73,76%
- XI nghiệp Cơ khí				
- Giao thông	-	35.942.234	(35.942.234)	(100,00%)
Cộng	182.055.049.453	170.984.573.892	11.070.475.561	6,08%

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.536.510.265	6.472.064.041
- Lãi cho vay	-	25.131.196
Cộng	<u>4.536.510.265</u>	<u>6.497.195.237</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	356.737.440	481.607.400
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.554.169.687)	
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	1.984.790.753
Cộng	<u>(1.197.432.247)</u>	<u>2.466.398.153</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.709.828.511	9.528.528.056
- Chi phí vật liệu quản lý	134.439.795	196.298.059
- Chi phí đồ dùng văn phòng	272.624.314	245.105.354
- Chi phí khấu hao TSCĐ	721.018.209	738.679.734
- Thuế, phí và lệ phí	11.844.864	274.890
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.333.162.395	2.531.600.095
- Chi phí bằng tiền khác	1.711.624.506	1.651.833.797
Cộng	<u>14.894.542.594</u>	<u>14.892.319.985</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền cho thuê vẽ quảng cáo trên phà, cho thuê mặt bằng	234.113.022	449.766.365
- Thu tiền đầu các phà	17.960.942	62.198.006
- Thanh lý, nhượng bán vật tư, tài sản	63.782.750	144.673.026
- Các khoản thu nhập khác	159.359.112	73.138.181
Cộng	<u>475.215.826</u>	<u>729.775.578</u>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	475.553.028	2.576.353.741
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>475.553.028</u>	<u>2.576.353.741</u>

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017	2.354.339.341
Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế	23.425.800
- Hóa đơn trên 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt	16.925.800
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	6.500.000
Lợi nhuận tính thuế năm 2017	2.377.765.141
Trừ: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	475.553.028
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2017	1.878.786.313
- Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành	255.900.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.622.886.313
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2017	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:** không có
- Thông tin về các bên có liên quan:**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2017, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Địa chỉ	Quan hệ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	360 đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Công ty con

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	Phải trả người bán	5.409.056.922

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang	Mua nguyên vật liệu	961.084.009
	Mua tài sản	3.956.240.465
	Sửa chữa lớn TSCĐ	324.072.727

4. **Thông tin so sánh:** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán.
5. **Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
6. **Thay đổi chính sách kế toán:** không có

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN KIM THƠ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN HỮU HIỀN

Long Xuyên, ngày 12 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH CÔNG TY



PHẠM CHÂU HÀ